

Số: 640/2016/WSB

Cần Thơ, ngày 26 tháng 8 năm 2016

(Về việc CBTT Báo cáo tài chính riêng
đã soát xét 6 tháng đầu năm 2016)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 0710 3 843 333 Fax: 0710 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Phạm Đình Hùng
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

I. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

II. Giải trình các nội dung liên quan đến BCTC sau soát xét:

1. Về chênh lệch lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm giữa Báo cáo tài chính trước và sau soát xét (từ 25.835,95 triệu đồng còn 21.991,01 triệu đồng), nguyên nhân như sau:

- Trích bổ sung 3.125,9 triệu đồng chi phí khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng 06 tháng đầu năm, làm lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm tương ứng.

- Tăng chi phí thuế TNDN phải nộp 6 tháng đầu năm 718,9 triệu đồng làm lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng.

2. Giải trình ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán:

Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã nộp tạm bổ sung vào ngân sách nhà nước 74.681.690.709 đồng tiền Thuế TTĐB cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/12/2015 (theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 04/02/2015 của Kiểm toán Nhà nước và theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8/12/2015 của Bộ Tài chính).


Theo quan điểm của Ban Giám đốc Công ty, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này sẽ được Công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn

hoàn trả lại. Đến thời điểm phát hành BCTC giữa niên độ, vẫn chưa có kết luận thống nhất cuối cùng từ Công ty mẹ để xử lý khoản thuế TTĐB này. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế mà chỉ ghi nhận như một khoản phải thu từ công ty mẹ với tổng số tiền là 74.681.690.709 đồng vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2016.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu HC.



Phạm Đình Hùng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Vẻ	Thành viên	
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Công Tước	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Đình Hùng – Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60876373/18741213/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, số thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") phải nộp bổ sung cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với tổng số tiền là 68.836.227.543 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng đã ước tính số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 5.845.463.166 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nộp 74.681.690.709 VND tiền thuế TTĐB bổ sung vào Ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty, hoàn trả lại. Do đó, Ban Giám đốc đã ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung như một khoản phải thu từ công ty mẹ với tổng số tiền là 74.681.690.709 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này từ công ty mẹ. Nếu Công ty gánh chịu toàn bộ số thuế TTĐB nộp bổ sung này thì kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 74.681.690.709 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng sẽ giảm cùng một số tiền tương ứng là 74.681.690.709 VND.



Building a better
working world

Kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		232.240.605.014	129.560.662.483
110	I. Tiền	4	584.480.451	565.203.390
111	1. Tiền		584.480.451	565.203.390
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.093.624.116	96.673.626.709
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	4.368.633.935	19.052.201.053
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.690.099.199	1.330.811.483
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	186.027.535.259	76.938.614.173
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	-	(648.000.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		7.355.723	-
140	III. Hàng tồn kho		32.605.317.685	31.789.168.761
141	1. Hàng tồn kho	7	32.605.317.685	31.789.168.761
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.957.182.762	532.663.623
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.957.182.762	532.663.623
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		452.571.172.532	538.021.481.891
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.000.000	66.017.273.707
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	3.000.000	66.017.273.707
220	II. Tài sản cố định		358.967.929.915	376.377.266.543
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	358.967.929.915	376.377.266.543
222	Nguyên giá		556.774.385.551	561.786.312.256
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(197.806.455.636)	(185.409.045.713)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		73.881.710	73.881.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.881.710)	(73.881.710)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.571.689.405	255.396.236
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.571.689.405	255.396.236
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	64.255.186.800	64.255.186.800
251	1. Đầu tư vào công ty con		45.000.000.000	45.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.000.000.000	7.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.255.186.800	12.255.186.800
260	V. Tài sản dài hạn khác		25.773.366.412	31.116.358.605
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	25.773.366.412	28.538.775.229
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	2.577.583.376
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		684.811.777.546	667.582.144.374

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		309.611.214.721	269.205.972.058
310	I. Nợ ngắn hạn		269.579.214.721	209.173.972.058
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	23.181.941.839	30.998.319.551
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	49.246.318.626	35.623.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	33.472.973.627	27.102.125.812
314	4. Phải trả người lao động		8.049.606.066	7.675.300.981
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.512.999.037	2.814.535.436
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	21.272.454.317	5.206.745.815
320	7. Vay ngắn hạn	17	124.128.598.885	123.627.509.115
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.714.322.324	11.713.811.648
330	II. Nợ dài hạn		40.032.000.000	60.032.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		32.000.000	32.000.000
338	2. Vay dài hạn	17	40.000.000.000	60.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		375.200.562.825	398.376.172.316
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	375.200.562.825	398.376.172.316
411	1. Vốn cổ phần		145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		176.816.640.972	176.896.401.261
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.383.921.853	76.479.771.055
421a	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		31.392.912.018	(10.624.866.991)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		21.991.009.835	87.104.638.046
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		684.811.777.546	667.582.144.374

Dương Thị Thúy Hồng

Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu

Trương Thị Mỹ Hồng

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



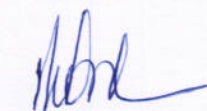
Phạm Đình Hùng
Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ	19.1	175.284.105.162	201.092.814.246
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(135.916.366.654)	(154.732.540.222)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.367.738.508	46.360.274.024
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	6.752.969.169	35.548.903.541
22	5. Chi phí tài chính		(5.340.918.866)	(4.825.418.380)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.340.918.866)	(4.825.418.380)
25	6. Chi phí bán hàng	21	(3.012.725.939)	(27.245.985)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(10.527.877.447)	(10.058.671.867)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.239.185.425	66.997.841.333
31	9. Thu nhập khác	22	2.722.367.302	320.290.919
32	10. Chi phí khác	22	(3.929.293.331)	(129.965.855)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	22	(1.206.926.029)	190.325.064
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.032.259.396	67.188.166.397
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(4.041.249.561)	(5.782.883.715)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.991.009.835	61.405.282.682

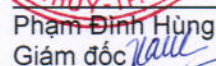


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

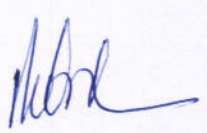
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.032.259.396	67.188.166.397
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		20.394.206.917	21.211.189.265
03	Dự phòng		(648.000.000)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.383.766.735)	(35.548.903.541)
06	Chi phí lãi vay		5.340.918.866	4.825.418.380
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.735.618.444	57.675.870.501
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(33.992.306.839)	14.826.800.630
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(816.148.924)	9.459.402.451
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		3.531.223.612	(21.679.575.402)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.340.889.678	(8.816.675.884)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.571.768.799)	(4.816.652.863)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(3.596.045.449)	(10.172.679.557)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.666.108.650)	(5.734.779.225)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(7.034.646.927)	30.741.710.651
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(6.723.448.654)	(36.985.287.677)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		51.237.727.683	127.881.952
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia		9.553.725.189	4.400.862.927
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		54.068.004.218	(32.456.542.798)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	195.055.899.980	4.200.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(214.554.810.210)	(10.858.329.190)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(27.515.170.000)	(26.710.787.775)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(47.014.080.230)	(33.369.116.965)
50	Lưu chuyển tiền trong kỳ		19.277.061	(35.083.949.112)
60	Tiền đầu kỳ		565.203.390	39.622.008.415
70	Tiền cuối kỳ		584.480.451	4.538.059.303


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Phạm Đình Hùng
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của công ty là 1 năm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 147 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 204).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 1 công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có 1 công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 38 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Một Thành viên xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2014 trong thời hạn từ 10 năm đến 32 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCĐN do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	40.361.000	87.163.100
Tiền gửi ngân hàng	544.119.451	478.040.290
TỔNG CỘNG	584.480.451	565.203.390

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	4.363.879.766	19.052.201.053
Phải thu từ khách hàng khác	4.754.169	-
TỔNG CỘNG	4.368.633.935	19.052.201.053
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(648.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.368.633.935	18.404.201.053

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	2.672.727.272	-
Văn phòng đại diện-Công Ty Krones AG Việt Nam	2.047.017.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Phong	-	648.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Sông Lam	-	205.836.182
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.970.354.927	476.975.301
TỔNG CỘNG	6.690.099.199	1.330.811.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Cổ tức phải thu	65.204.107.192	2.002.000.000
Cho công ty con mượn	45.000.000.000	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ (*)	74.681.690.709	74.681.690.709
Tạm ứng cho nhân viên	734.937.287	240.393.839
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	5.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	397.800.071	9.529.625
TỔNG CỘNG	186.027.535.259	76.938.614.173
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên thứ ba</i>	<i>1.020.579.403</i>	<i>254.923.464</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>185.006.955.856</i>	<i>76.683.690.709</i>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	3.000.000	3.000.000
Cổ tức phải thu	-	66.014.273.707
TỔNG CỘNG	3.000.000	66.017.273.707
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>-</i>	<i>66.014.273.707</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>

(*) Công ty phải nộp bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với số tiền lần lượt là 23.772.039.511 VND và 45.064.188.032 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng đã ước tính số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 5.845.463.166 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nộp 74.681.690.709 VND tiền thuế TTĐB bổ sung vào Ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung này sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty, hoàn trả lại. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 mà chỉ ghi nhận như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc vẫn chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Công ty chịu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.582.778.052	8.589.399.474
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	7.977.970.698	10.350.840.003
Công cụ, dụng cụ	9.019.366.739	4.567.064.493
Thành phẩm	5.011.379.469	7.685.801.291
Hàng hóa	13.822.727	7.000.000
Hàng mua đang đi trên đường	-	589.063.500
TỔNG CỘNG	<u>32.605.317.685</u>	<u>31.789.168.761</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	76.072.437.681	470.207.745.905	8.038.946.848	7.467.181.822	561.786.312.256
Mua trong kỳ	-	113.460.323	1.000.000.000	298.000.000	1.411.460.323
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	1.995.695.162	-	-	-	1.995.695.162
Thanh lý trong kỳ	-	(6.516.912.515)	(713.451.739)	(1.188.717.936)	(8.419.082.190)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	78.068.132.843	463.804.293.713	8.325.495.109	6.576.463.886	556.774.385.551
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	5.922.732.385	52.973.517.031	3.286.952.294	2.987.472.730	65.170.674.440
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(21.582.452.922)	(152.692.356.756)	(6.197.686.049)	(4.936.549.986)	(185.409.045.713)
Khấu hao trong kỳ	(2.039.122.359)	(17.799.103.769)	(304.819.670)	(251.161.119)	(20.394.206.917)
Thanh lý	-	6.354.662.978	713.451.739	928.682.277	7.996.796.994
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(23.621.575.281)	(164.136.797.547)	(5.789.053.980)	(4.259.028.828)	(197.806.455.636)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	54.489.984.759	317.515.389.149	1.841.260.799	2.530.631.836	376.377.266.543
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	54.446.557.562	299.667.496.166	2.536.441.129	2.317.435.058	358.967.929.915
Trong đó:					
Thế chấp (Thuyết minh số 17)	28.085.967.978	235.513.667.140	-	-	263.599.635.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND
Phần mềm kế toán

Nguyên giá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 73.881.710

Giá trị hao mòn lũy kế

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 (73.881.710)

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 -

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi phí Nhà máy Sóc Trăng	1.848.514.610	-
Hệ thống lạnh ghép tầng	203.368.214	173.850.000
Khác	1.519.806.581	81.546.236

TỔNG CỘNG 3.571.689.405 255.396.236

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.1)	45.000.000.000	45.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.3)	12.255.186.800	12.255.186.800

TỔNG CỘNG 64.255.186.800 64.255.186.800

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết đầu tư vào công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Địa điểm
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	100	45.000.000.000	100	45.000.000.000	Tỉnh Sóc Trăng
					Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Địa điểm
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	20	7.000.000.000	20	7.000.000.000	Tỉnh Bạc Liêu
					Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	VND		%	VND		%
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	10.100.000.000	1.010.000	9,71	10.100.000.000	1.010.000	9,71
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	2.155.186.800	145.060	1,28	2.155.186.800	145.060	1,28
TỔNG CỘNG	12.255.186.800			12.255.186.800		

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	75.040.001	186.257.196
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.882.142.761	346.406.427
TỔNG CỘNG	1.957.182.762	532.663.623
Dài hạn		
Tiền thuê đất	11.277.632.486	11.564.322.308
Chai kết luân chuyển	7.906.698.540	9.852.452.456
Công cụ, dụng cụ	737.498.679	386.875.018
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.851.536.707	6.735.125.447
TỔNG CỘNG	25.773.366.412	28.538.775.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	16.445.124.154	25.289.444.537
Phải trả cho người bán khác	6.736.817.685	5.708.875.014
TỔNG CỘNG	<u>23.181.941.839</u>	<u>30.998.319.551</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần DTBYT Nam Trung	35.117.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	1.073.084.200	35.623.700
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 25</i>)	13.056.234.426	-
TỔNG CỘNG	<u>49.246.318.626</u>	<u>35.623.700</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.177.224.261	156.768.086.455	(152.574.672.142)	26.370.638.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 24.2</i>)	2.549.056.359	4.041.249.561	(3.596.045.449)	2.994.260.471
Thuế giá trị gia tăng	1.806.842.533	25.908.561.381	(24.320.793.320)	3.394.610.594
Tiền thuê đất	410.009.833	395.885.336	(805.895.169)	-
Thuế thu nhập cá nhân	156.883.026	1.451.242.950	(894.661.988)	713.463.988
Thuế tài nguyên	2.109.800	-	(2.109.800)	-
TỔNG CỘNG	<u>27.102.125.812</u>	<u>188.565.025.683</u>	<u>(182.194.177.868)</u>	<u>33.472.973.627</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trích chi phí sử dụng vỏ chai	2.768.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.469.103.300	699.953.233
Chi phí hỗ trợ tiếp thị thị trường	2.417.033.619	-
Trích trước chi phí trợ cấp mất việc làm	-	1.775.341.250
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	858.862.118	339.240.953
TỔNG CỘNG	<u>8.512.999.037</u>	<u>2.814.535.436</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả	20.345.635.073	4.360.805.073
Tiền thưởng Hội đồng Thành viên Sóc Trăng	757.000.000	757.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	169.819.244	88.940.742
TỔNG CỘNG	<u>21.272.454.317</u>	<u>5.206.745.815</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	<i>5.724.648.437</i>	<i>4.449.745.815</i>
<i>Phải trả từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>15.547.805.880</i>	<i>757.000.000</i>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Vay ngắn hạn ngân hàng thể hiện các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Công ty thu thập các khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%)	Hình thức đảm bảo
01/2015-HETDHM/NHCT908-WSB ngày 25 tháng 5 năm 2015	54.628.598.885	Ngày 7 tháng 7 năm 2016	từ 4,6 đến 4,7	Tín chấp
01/2015-HETD/NHCT908-BIAMIENTAY ngày 18 tháng 12 năm 2015	69.500.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2016	5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	124.128.598.885			

17.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Vay dài hạn từ ngân hàng thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Công ty thu thập các khoản vay này để xây dựng Nhà máy Bia tại Cần Thơ. Chi tiết khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%)	Hình thức đảm bảo
14.052.001/2014-HETDDA/NHCT908-WSB ngày 6 tháng 3 năm 2014	40.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 8 năm 2017 tới ngày 29 tháng 5 năm 2018	6,5	Tài sản hình thành từ dự án đồng bộ hóa Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít / năm (Thuyết minh số 8)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	145.000.000.000	172.072.980.283	27.358.114.152	344.431.094.435
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	61.405.282.682	61.405.282.682
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	(3.157.670.995)	3.157.670.995	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.890.652.138)	(4.890.652.138)
Cổ tức công bố	-	-	(36.250.000.000)	(36.250.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	145.000.000.000	168.915.309.288	50.780.415.691	364.695.724.979
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	145.000.000.000	176.896.401.261	76.479.771.055	398.376.172.316
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.991.009.835	21.991.009.835
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	(79.760.289)	79.760.289	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.666.619.326)	(1.666.619.326)
Cổ tức công bố	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	145.000.000.000	176.816.640.972	53.383.921.853	375.200.562.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	73.950.000.000	51	73.950.000.000	51
Cổ đông khác	71.050.000.000	49	71.050.000.000	49
TỔNG CỘNG	145.000.000.000	100	145.000.000.000	100

18.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Cổ phiếu đã được duyệt	14.500.000
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000

18.4 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức phải trả đầu kỳ	4.360.805.073	14.820.602.073
Cổ tức công bố trong kỳ	43.500.000.000	36.250.000.000
Trong đó: <i>Cổ tức chi bằng tiền</i>	(27.515.170.000)	(26.710.787.775)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu bán hàng	165.946.657.233	193.737.478.068
Doanh thu dịch vụ	615.000.000	608.134.382
Doanh thu khác	8.722.447.929	6.747.201.796
TỔNG CỘNG	<u>175.284.105.162</u>	<u>201.092.814.246</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	3.469.155.086	4.005.486.793
Doanh thu đối với các bên liên quan	171.814.950.076	197.087.327.453

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức và lợi nhuận được chia	6.719.833.485	35.337.640.614
Lãi tiền gửi	21.725.189	211.262.927
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.410.495	-
TỔNG CỘNG	<u>6.752.969.169</u>	<u>35.548.903.541</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn hàng bán	129.097.998.026	150.867.695.235
Giá vốn cung cấp dịch vụ	401.748.300	397.478.082
Giá vốn khác	6.416.620.328	3.467.366.905
TỔNG CỘNG	<u>135.916.366.654</u>	<u>154.732.540.222</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí công tác thị trường	3.000.000.000	-
Các chi phí khác	12.725.939	27.245.985
	<u>3.012.725.939</u>	<u>27.245.985</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên vật liệu	146.644.813	151.013.311
Chi phí lương	6.596.547.760	5.512.983.701
Chi phí khấu hao	205.074.865	455.636.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	703.689.829	1.101.945.797
Các chi phí khác	2.875.920.180	2.837.092.814
	<u>10.527.877.447</u>	<u>10.058.671.867</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.540.603.386</u>	<u>10.085.917.852</u>

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác		
Thu nhượng bán, thanh lý	2.642.208.061	127.881.952
Thu tiền bán phế liệu, phế phẩm	7.109.091	44.561.000
Các khoản thu khác	73.050.150	147.847.967
	<u>2.722.367.302</u>	<u>320.290.919</u>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	17.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản chờ thanh lý	3.125.971.550	-
Giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý	-	127.881.952
Chi phí khác	786.321.781	2.083.903
	<u>3.929.293.331</u>	<u>129.965.855</u>
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>(1.206.926.029)</u>	<u>190.325.064</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	86.532.320.604	104.332.352.584
Chi phí nhân công	17.742.497.470	22.614.892.662
Chi phí khấu hao	16.850.970.507	20.832.333.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.594.031.026	14.585.563.792
Chi phí khác	9.250.464.500	4.340.573.627
TỔNG CỘNG	<u>141.970.284.107</u>	<u>166.705.716.396</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty được hưởng mức thuế TNDN ưu đãi 15% trong mười hai (12) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (năm 2005), được miễn ba (3) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo (năm 2008) cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.041.249.561</u>	<u>5.782.883.715</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.012.934.080	67.188.166.397
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	3.714.363.732	158.892.981
Thay đổi chi phí trích trước	2.417.033.619	-
Doanh thu không tính thuế	(6.719.833.485)	(35.337.640.614)
Thu nhập chịu thuế ước tính	25.424.497.946	32.009.418.764
Thuế TNDN phải trả ước tính	4.041.249.561	5.782.883.715
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	2.549.056.359	5.687.630.284
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.596.045.449)	(10.172.679.557)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ <i>(Thuyết minh số 14)</i>	2.994.260.471	1.297.834.442

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghị quyết vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng Mua nguyên vật liệu Cổ tức Khác	165.783.686.382 59.379.167.089 22.185.000.000 -	- 41.750.106.264 18.487.500.000 56.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Bán nguyên vật liệu Bán tài sản cố định Hỗ trợ trả tiền vay Mua nguyên vật liệu Chia khen thưởng quỹ phúc lợi Cho thuê kết nhựa rỗng Chi phí thu chi hộ Tiền thưởng Hội đồng Thành viên, BĐH Khác	6.012.395.194 693.076.257 45.000.000.000 15.115.301 530.000.000 - -	3.691.214.152 664.224.174 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	2.279.917.000	745.500.000 20.855.018
Công ty Cổ phần Bia- Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Đầu tư khác	Doanh thu dịch vụ Bán nguyên vật liệu Cho mượn vật tư Cổ tức Khác	10.240.000 18.868.500 103.643.603 - 10.242.000	7.296.000 - 18.482.340 1.515.000.000 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	18.427.500	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	37.400.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Hậu	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Mua nguyên vật liệu	546.924.500	- 3.915.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu tại Sóc Trăng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	37.848.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu Cổ tức Khác	18.868.500 5.005.000.000	2.402.400.000 77.250.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	-	193.712.278.068
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	-	44.561.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	1.162.800.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghị quyết vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	4.330.338.100	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	386.961.633	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	-	18.630.218.640	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	20.179.897	23.811.458	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ	11.531.369	11.209.322	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Đầu tư khác	Doanh thu dịch vụ	1.830.400	-	-
			4.363.879.766	19.052.201.053	
Phải thu ngắn hạn khác					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế TTĐB chi hộ	74.681.690.709	74.681.690.709	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Cổ tức phải thu Cho mượn	65.204.107.192	-	-
Công ty Cổ phần Bia- Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Đầu tư khác	Cho mượn vật tư	92.679.503	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Khác	18.122.651	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Cổ tức phải thu	-	2.002.000.000	-
		Khác	10.355.801	-	-
			185.006.955.856	76.683.690.709	
Phải thu dài hạn khác					
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Thu cổ tức	-	66.014.273.707	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Phải trả người bán ngắn hạn					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	16.379.361.047	25.196.585.130	
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	65.763.107	65.763.107	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	27.096.300	
			16.445.124.154	25.289.444.537	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Ứng trước	13.056.234.426	-	
Phải trả ngắn hạn khác					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	14.790.000.000	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Chi phí chi hộ	757.805.880	757.000.000	
			15.547.805.880	757.000.000	
Chi phí trả trước					
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Trích chi phí vỏ chai	2.768.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Quý tiền lương, thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Quý tiền lương và thưởng	<u>2.057.128.105</u>	<u>1.761.053.829</u>

26. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	266.869.708	269.258.873
Từ 1 đến 5 năm	2.098.451.514	2.463.972.181
Trên 5 năm	<u>9.136.343.787</u>	<u>9.501.367.171</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.501.665.009</u>	<u>12.234.598.225</u>

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


 Dương Thị Thủy Hồng
 Người lập biểu


 Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng


 Phạm Đình Hùng
 Giám đốc



Ngày 22 tháng 8 năm 2015